

**Bài 26: Phòng Vấn Xin Việc Làm - câu hỏi giả thuyết (tiếp theo)****Transcript**

*Quỳnh Liên và toàn Ban Tiếng Việt, Đài Úc Châu, thân chào quý bạn. Trong bài học hôm nay, cuộc phỏng vấn xin việc kết thúc, và chúng ta sẽ làm quen với những câu hỏi có tính cách giả thuyết, cũng như những câu hỏi các bạn có thể nêu ra trong cuộc phỏng vấn. Thế nhưng, trước khi tiếp tục cuộc đối thoại, chúng ta hãy nghe lại phần đầu cuộc phỏng vấn xin việc làm.*

- Justine**                               **Come in, Bob. I'm Justine Asker, the manager. You can call me Justine.**
- Bob:**                                   **Pleased to meet you.**
- Justine:**                               **Sit down. Firstly, Bob, can I ask which job you are applying for?**
- Bob:**                                   **I'm applying for the receptionist position.**
- Justine:**                               **I see that you have a Diploma in Hospitality. Have you done any front desk work before?**
- Bob:**                                   **I have work experience in front desk. You have my supervisor's report there. This will be my first paid position.**
- Justine:**                               **And why do you want to work at the Plaza Hotel?**
- Bob:**                                   **Because it has a great reputation; not just for its service but as a good place to work.**
- Justine:**                               **I'm glad to hear it. Bob, what strengths do you think you would bring to the job?**
- Bob:**                                   **Oh, ah. I am patient and I've been told I put clients at ease.**
- Justine:**                               **Uh huh. And what do you see as your weaknesses?**
- Bob:**                                   **Do you mean, what am I not so good at?**
- Justine:**                               **Yes.**
- Bob:**                                   **Well, I understand English much better than I speak it at the moment. But I study at home and I look forward to learning more on the job.**
- Justine:**                               **Excellent.**

*Bây giờ, mời các bạn lắng nghe các từ ngữ và cụm từ mới trong khi tiếp tục theo dõi cuộc đối thoại bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.*



- Justine:** Now, Bob, I'm going to ask you a hypothetical question. Would you compromise your own safety for the comfort of your guests?  
(Anh Bob, tôi hỏi anh một câu có tính cách giả thuyết nhé. Anh có sẵn sàng xem thường tính mạng của mình để chiều lòng khách hay không?)
- Bob:** Do you mean, like the Legendary Leo, who jumped into shark infested waters to save a guest's hat?  
(Có phải bà muốn nói làm giống như Người Hùng Leo nhảy xuống biển đầỵ cá mập để vớt chiếc mũ cho khách, phải không?)
- Justine:** Something like that.  
(Đại khái là như vậy.)
- Bob:** If I must.  
(Trong trường hợp bắt buộc.)
- Justine:** I don't think you would be expected to show that level of enthusiasm, Bob. Leo was an exceptional worker, but very impetuous.  
(Anh Bob à, tôi không nghĩ là anh cần phải háng say đến thế đầỵ. Anh Leo là một nhân viên hiếm thấy, nhưng tính khí lại rất nóng nắỵ.)
- Bob:** In that case, I would make sure I know the health and safety requirements associated with my position and follow hotel procedures.  
(Nếu vậy, tôi sẽ phải cố tìm hiểu để biết rõ những qui địnհ y tế và an toàn đi đầỵ với chức vụ của tôi, và tuân theo nội qui khách sạn)
- Justine:** Very good.  
(Tốt lắm.)

Bà Justine hỏi một câu có tính cách giả thuyết, tức là "hypothetical question". Bà hỏi anh Bob xem anh sẽ làm gì nếu phải đứng trước một tình huống đặc biệt nào đó. Một số câu hỏi thuộc loại này có thể còn chi tiết hơn nhiều so với những câu hỏi được bà Justine nêu ra. Mới đầỵ, anh Bob đã trả lời theo chiều hướng anh nghĩ sẽ làm hài lòng người phỏng vấn. Thế nhưng, nghĩ như vậy là làm. Bởi vì, ở đầỵ, người phỏng vấn thật ra chỉ muốn xem anh Bob có biết thận trọng khi phải đối phó với tình huống khó khăn bất ngờ hay không. Sau đó, anh Bob đã có một câu trả lời hợp lý hơn. Các bạn hẳn cũng biết rằng, chức vụ nào cũng phải tuân theo những chỉ thị riêng; cơ sở kinh doanh nào cũng có thể lệ và qui địnհ an toàn riêng. Không ai đòi hỏi các bạn phải tìm hiểu những vấn đề ấy trước cuộc phỏng vấn. Do đó, các bạn chỉ cần cam kết sẽ tìm hiểu kỹ càng những chỉ thị hay qui địnհ liên hệ để các bạn biết ứng xử (ứng phó, xử lý) trong bất cứ tình huống nào. Như vậy là đủ rồi. Mời các bạn nghe lại câu nói của anh Bob.

- Bob:** In that case, I would make sure I know the health and safety requirements associated with my position and follow hotel procedures.  
(Nếu vậy tôi sẽ cố học hỏi để hiểu rõ những qui địnհ y tế và an toàn đi đầỵ với chức vụ của tôi, và tuân theo nội qui khách sạn.)

Bây giờ, chúng ta hãy thực tập xem sao nhé. Mời các bạn nghe và lập lại những câu sau đầỵ.

- Justine:** Now, Bob, I'm going to ask you a hypothetical question. Would you compromise your own safety for the comfort of your guests?
- Bob:** Do you mean, like the Legendary Leo... to save a guest's hat?
- Justine:** Something like that.
- Bob:** If I must.
- Justine:** I don't think you would be expected to show that level of enthusiasm, Bob. Leo was an exceptional worker, but very impetuous.
- Bob:** In that case I would make sure I know the health and safety requirements associated with my position... and follow hotel procedures.
- Justine:** Very good.

*Quý bạn đang theo dõi Bài Học Tiếng Anh Thông Dụng của Đài Úc Châu.*

**Bài Học 26: Phòng Vấn Xin Việc Làm**  
**Lesson 26: A Job Interview**

*Xin các bạn lắng nghe những từ ngữ và cụm từ mới trong khi tiếp tục theo dõi cuộc đối thoại bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.*

- Justine:** Now, is there anything you would like to ask me?  
**(Bây giờ, anh có muốn hỏi tôi gì không?)**
- Bob:** Yes, I was wondering if anyone has heard what happened to Leo?  
**(Dạ có, tôi thắc mắc không biết có ai biết chuyện gì xảy ra cho anh Leo không?)**
- Justine:** I mean questions relating to this position, Bob.  
**(Tôi muốn anh hỏi những câu liên quan đến chức vụ này mà thôi, anh Bob à.)**
- Bob:** Oh, of course. Um Yes, I would like to know if the hours of duty are flexible.  
**(Dạ! Vâng... Tôi muốn biết giờ giấc làm việc có uyển chuyển hay không.)**
- Justine:** Yes, we have three shifts, and there is also overtime work available when we're very busy.  
**(Có chứ, chúng tôi có ba ca, và khi chúng tôi quá bận, chúng tôi cũng cho nhân viên làm thêm giờ (giờ phụ trội).)**
- Bob:** That's good.  
**(Vậ thì tốt.)**

- Justine:** I'm very impressed with your qualifications Bob. We'll ring you and let you know the outcome tomorrow morning.  
(Tôi rất hài lòng với bằng cấp của anh, anh Bob à. Chúng tôi sẽ gọi điện thoại báo cho anh biết kết quả vào sáng mai.)
- Bob:** Thank you. Goodbye.  
(Cám ơn bà. Xin chào bà.)

Người phỏng vấn thường hỏi xem các bạn cần hỏi gì không. Vì vậy, các bạn nên chuẩn bị sẵn câu hỏi nào đó trước cuộc phỏng vấn. Bởi vì, điều này cho thấy, bạn là người quan tâm đến công việc. Tuy nhiên, xin các bạn nhớ cho là, đừng thắc mắc về mức lương bổng. Các bạn nên tìm hiểu vấn đề này trước khi được phỏng vấn. Các bạn có thể hỏi xem giờ giấc làm việc có uyển chuyển không, hay các bạn sẽ làm việc với những ai. Để mở đầu những câu hỏi như thế, anh Bob đã sử dụng câu: "I was wondering if..." ("Tôi thắc mắc không biết..."), và "I would like to know..." ("Tôi muốn biết là..."). Nào chúng ta hãy thực tập xem sao. Mời các bạn nghe và lập lại những câu sau đây

- I was wondering if...  
I was wondering if the hours are flexible.  
I would like to know...  
I would like to know if the hours are flexible.

Sau đây, mời các bạn nghe lại phần cuối cuộc đối thoại, và lập lại từng câu nói của anh Bob.

- Justine:** Now, is there anything you would like to ask me?
- Bob:** Yes, I was wondering if anyone has heard what happened to Leo?
- Justine:** I mean questions relating to this position, Bob.
- Bob:** Oh, of course. Um... yes, I would like to know if the hours of duty are flexible.
- Justine:** Yes, we have three shifts, and there is also overtime work available when we're very busy.
- Bob:** That's good.
- Justine:** I'm very impressed with your qualifications Bob. We'll ring you and let you know the outcome tomorrow morning.
- Bob:** Thank you. Goodbye.
- Justine:** See you later.

Tới đây, mời các bạn theo dõi toàn bộ cuộc đối thoại từ Bài 25 đến Bài 26.

- Justine:** Come in, Bob. I'm Justine Asker, the manager. You can call me Justine.
- Bob:** Pleased to meet you.



- Justine:** Sit down. Firstly, Bob, can I ask which job you are applying for?
- Bob:** I'm applying for the receptionist position.
- Justine:** I see that you have a Diploma in Hospitality. Have you done any front desk work before?
- Bob:** I have work experience in front desk. You have my supervisor's report there. This will be my first paid position.
- Justine:** And why do you want to work at the Plaza Hotel?
- Bob:** Because it has a great reputation; not just for its service but as a good place to work.
- Justine:** I'm glad to hear it. Bob, what strengths do you think you would bring to the job?
- Bob:** Oh, ah. I am patient and I've been told I put clients at ease.
- Justine:** Uh huh. And what do you see as your weaknesses?
- Bob:** Do you mean, what am I not so good at?
- Justine:** Yes.
- Bob:** Well, I understand English much better than I speak it at the moment. But I study at home and I look forward to learning more on the job.
- Justine:** Excellent. Now, Bob, I'm going to ask you a hypothetical question. Would you compromise your own safety for the comfort of your guests?
- Bob:** Do you mean, like the Legendary Leo, who jumped into shark infested waters to save a guest's hat?
- Justine:** Something like that.
- Bob:** If I must.
- Justine:** I don't think you would be expected to show that level of enthusiasm, Bob. Leo was an exceptional worker, but very impetuous.
- Bob:** In that case, I would make sure I know the health and safety requirements associated with my position and follow hotel procedures.
- Justine:** Very good. Now, is there anything you would like to ask me?
- Bob:** Yes, I was wondering if anyone has heard what happened to Leo?
- Justine:** I mean questions relating to this position, Bob.



- Bob:** Oh, of course. Um... Yes, I would like to know if the hours of duty are flexible.
- Justine:** Yes, we have three shifts, and there is also overtime work available when we're very busy.
- Bob:** That's good.
- Justine:** I'm very impressed with your qualifications Bob. We'll ring you and let you know the outcome tomorrow morning.
- Bob:** Thank you. Goodbye.
- Justine:** See you later.

*Các bạn hẳn sẽ mừng khi biết rằng, anh Bob đã kiếm được việc làm tại Khách Sạn Plaza, còn anh Leo thì rước được một cô dâu từ Melbourne về đây. Nàng tên là Mai. Cô Mai là người tử tế và kiên nhẫn, chứ không bốc đồng! Do tình cờ, cả cô lẫn anh Leo đều sống trong cùng khu vực, và hai người quen nhau trong khi cùng theo học khóa phục vụ ở Melbourne.*

*Bây giờ, chúng tôi xin tặng các bạn bài về cuối cùng để các bạn học hỏi và luyện tập với hy vọng các bạn có thể nhớ được phần nào những gì các bạn đã thu thập trong bài này.*

**Follow procedures**  
**Follow procedures**  
**Follow procedures, Sir!**  
**Health and safety**  
**Health and safety**  
**Health and safety first!**

*Thưa quý bạn, đây cũng là bài về kết thúc bài học cuối cùng trong loạt bài Tiếng Anh gồm 26 bài học của chúng tôi.*

*Tiếng Anh Cho Ngành Du Lịch là loạt bài đã được Paul Learmonth và Maggie Power thuộc Phòng Nghiên Cứu Và Cải Cách Học Vấn trực thuộc Dịch Vụ Giáo Dục Đa Văn Hóa Cho Người Trưởng Thành biên soạn, và đây cũng là tổ chức chuyên giảng dạy ngôn ngữ uy tín nhất nước Úc.*

*Loạt Bài Tiếng Anh Cho Ngành Du Lịch đã được Sue Slamen thực hiện cho chương trình phát thanh nhờ sự hỗ trợ kỹ thuật của David Ashton. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn các vị đồng nghiệp như Julian Chen, Myra Mortensen, Geoff Croucher và Barry Clarke, tức là những người đã thủ vai các nhân vật trong loạt bài này. Sau cùng chúng tôi cũng xin ghi nhận sự đóng góp của bạn Nguyễn Huệ, người đã dịch toàn bộ loạt bài Tiếng Anh Cho Ngành Du Lịch sang tiếng Việt.*

*Các bạn cũng đừng quên ghé thăm Website của Đài Úc Châu theo địa chỉ [www.bayvut.com](http://www.bayvut.com), hay mở website của AMES theo địa chỉ [ames.net.au](http://ames.net.au)*

*Xin tạm biệt quý bạn.*

